

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	7 - 8
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	9
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	11 - 32



2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Phạm Văn Đô	Chủ tịch HĐQT	
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT	
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT	
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT	
Ông Chu Văn Đệ	Thành viên HĐQT	
Ông Đỗ Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	
Bà Phan Vũ Thúy Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/5/2018

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc	
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Giám đốc điều hành	Nghỉ hưu ngày 01/04/2018

3. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc.

4. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị *le*
CÔNG TY CỔ PHẦN X20
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Văn Đô

Phạm Văn Đô
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số: 043/2019/BCTC-PB.00163

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X20**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty được lập ngày 12/3/2019, trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần X20 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán số 263/2018/BCKT-BCTC/CPAVIETNAM ngày 20/3/2018.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		624.092.183.600	552.470.449.137
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	22.633.289.613	68.693.422.599
1. Tiền	111		22.633.289.613	68.693.422.599
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		348.430.435.255	249.936.051.938
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	314.178.919.559	232.448.211.908
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.715.647.275	7.511.538.731
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		21.600.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	8.935.868.421	9.976.301.299
IV. Hàng tồn kho	140		252.796.335.650	233.490.257.753
1. Hàng tồn kho	141	V.04	252.849.323.381	233.512.623.231
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(52.987.731)	(22.365.478)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		232.123.082	350.716.847
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.a	232.123.082	350.716.847
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263.326.476.081	260.653.064.022
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		173.136.476.073	168.685.666.030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	169.544.576.073	165.093.766.030
- Nguyên giá	222		302.018.815.726	330.020.168.061
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132.474.239.653)	(164.926.402.031)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	3.591.900.000	3.591.900.000
- Nguyên giá	228		9.767.833.720	9.767.833.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.175.933.720)	(6.175.933.720)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		31.809.144.167	40.171.240.412
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	31.809.144.167	40.171.240.412
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	57.394.835.186	49.159.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		55.735.835.186	47.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.659.000.000	1.659.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		986.020.655	2.637.157.580
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.b	986.020.655	2.637.157.580
TỔNG TÀI SẢN	270		887.418.659.681	813.123.513.159



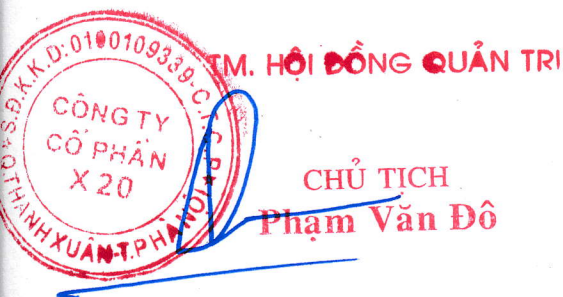
CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		629.392.099.757	553.015.721.777
I. Nợ ngắn hạn	310		628.592.099.757	552.215.721.777
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	253.079.307.429	122.275.437.447
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.732.970.938	885.934.228
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	6.590.319.865	7.523.446.920
4. Phải trả người lao động	314		33.198.676.333	29.406.504.248
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.212.619.980	1.611.192.882
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	143.619.405.634	144.932.240.350
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	43.573.704.675	4.109.334.539
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	119.033.435.029	240.000.000.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	467.668.953
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.551.659.874	1.003.962.210
II. Nợ dài hạn	330		800.000.000	800.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	800.000.000	800.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		258.026.559.924	260.107.791.382
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	258.026.559.924	260.107.791.382
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.635.639.925	56.635.639.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.890.919.999	30.972.151.457
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.360.517.121	233.174.112
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.530.402.878	30.738.977.345
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		887.418.659.681	813.123.513.159



Phạm Văn Đô
 Chủ tịch HĐQT
 Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Phan Vũ Thúy Anh
 Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thùy Linh
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	968.839.969.844	1.016.630.929.816
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		968.839.969.844	1.016.630.929.816
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	863.720.477.437	890.416.366.601
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105.119.492.407	126.214.563.215
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	4.338.280.532	2.398.530.030
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	647.800.852	1.552.401.327
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>220.953.372</i>	<i>640.550.650</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.21	19.679.176.421	19.649.619.681
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.21	61.949.255.545	74.205.883.310
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.181.540.121	33.205.188.927
11. Thu nhập khác	31	VI.22	5.107.340.111	6.637.433.754
12. Chi phí khác	32	VI.23	27.987.062	1.532.503.724
13. Lợi nhuận khác	40		5.079.353.049	5.104.930.030
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.260.893.170	38.310.118.957
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	5.730.490.292	7.571.141.612
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.530.402.878	30.738.977.345



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH
Phạm Văn Đô

Phạm Văn Đô
 Chủ tịch HĐQT
 Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Phan Vũ Thúy Anh
 Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thùy Linh
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.260.893.170	38.310.118.957
2. Điều chỉnh cho các khoản				
+ Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16.801.788.392	22.015.161.091
+ Các khoản dự phòng	03		(437.046.700)	(4.848.194.222)
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	04		(70.588.767)	505.712.078
+ (Lãi) hoạt động đầu tư	05		(4.267.691.765)	(7.633.444.407)
+ Chi phí lãi vay	06		220.953.372	640.550.650
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44.508.307.702	48.989.904.147
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		51.226.116.181	(43.567.430.492)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.341.150.950	10.499.876.317
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(12.663.434.122)	107.195.217.719
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.519.939.833	8.450.935.173
- Tiền lãi vay đã trả	14		(220.953.372)	(640.550.650)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.919.294.771)	(6.642.103.709)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	3.043.425.483
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(6.411.796.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		97.791.832.401	120.917.477.967
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.602.111.873)	(58.612.119.271)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	181.090.909
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(47.500.000.000)
4. Tiền thu lãi, vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.267.691.765	2.378.924.198
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.334.420.108)	(103.552.104.164)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		47.119.167.779	309.704.174.645
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(168.085.732.750)	(261.014.487.669)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.700.000.000)	(20.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(141.666.564.971)	27.989.686.976
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(46.209.152.678)	45.355.060.779
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		68.693.422.599	23.844.073.898
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		149.019.692	(505.712.078)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		22.633.289.613	68.693.422.599



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH
Phạm Văn Đô
Phan Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng
Hoàng Thị Thùy Linh
Người lập
Phạm Văn Đô
Chủ tịch HĐQT
 Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty cổ phần X20 được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/01/2017.

Trụ sở chính của Công ty số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 172.500.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng). Cơ cấu vốn như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp nhà nước	12.371.190	123.711.900.000	71,72 %
Công ty cổ phần đầu tư Cái Mép	500.000	5.000.000.000	2,9%
Vốn góp của cổ đông khác	4.378.810	43.788.100.000	25,38 %
Cộng	17.250.000	172.500.000.000	100,00%

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất giày dép; May trang phục (trừ trang phục lông thú); Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược; Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện và các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, sản xuất phao cứu sinh, sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác; Sản xuất áo amiăng; Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại khác; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản phẩm cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...; Sản xuất bàn chải giấy, quần áo; Sản xuất găng tay; Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; Sản xuất tàu hút xỉ gà; Sản xuất các sản phẩm dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; Hoạt động nuôi bông thú; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ tác quyền tác giả và giống cây trồng; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo; Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu và chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng; Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Kinh doanh ô tô, xe máy; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may./.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các Công ty con và các đơn vị trực thuộc sau:

* Các Công ty con

Tên	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 31/12/2018	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	8.000.000.000	8.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	9.500.000.000	9.500.000.000	100%
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định ^(a)	30.000.000.000	38.235.835.186	100%

^(a) Nguyên nhân chênh lệch là do Công ty TNHH MTV X20 Nam Định chưa hoàn thành việc thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

* Các đơn vị thành viên của Công ty

- Chi nhánh Công ty cổ phần X20 - Xí nghiệp may 20C
- Xí nghiệp thương mại
- Xí nghiệp may 3
- Xí nghiệp đo may quân đội

* Công ty liên doanh, liên kết

- Công ty cổ phần 199 - Tỷ lệ sở hữu vốn 33,4%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

6. GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch giao hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

7. THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

9. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	4.256.068.893	2.472.604.767
Tiền gửi ngân hàng	18.377.220.720	66.220.817.832
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	22.633.289.613	68.693.422.599

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	314.178.919.559	232.448.211.908
- Cục Quân nhu	269.181.213.743	157.872.832.856
- Công ty TNHH Thịnh Vượng Toàn Cầu	1.814.025.000	8.814.025.000
- Poongshin Co., LTD	4.939.960.407	8.360.489.320
- PRO SPORT (HK) LIMITED	10.097.884.617	8.068.883.923
- Công ty cổ phần Dệt may Bình Minh	-	25.598.930.431
- CK DIAZ GENERAL MERCHANDISE	4.970.997.369	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	23.174.838.423	10.700.571.014
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	10.666.034.474
- Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	-	2.366.444.890
- Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	-

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	8.935.868.421	-	9.976.301.299	-
- Phải thu khác	8.074.704.643	-	9.045.217.311	-
- Tạm ứng	857.507.980	-	908.577.000	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	22.506.988	-
- Bảo hiểm y tế	2.780.198	-	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	875.600	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.935.868.421	-	9.976.301.299	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	58.189.880.413	(52.987.731)	52.275.499.767	(22.365.478)
Công cụ, dụng cụ	131.628.656	-	136.890.839	-
Chi phí SXKD dở dang	130.977.679.571	-	119.785.890.097	-
Thành phẩm	59.210.710.276	-	19.934.465.341	-
Hàng hóa	4.258.073.748	-	41.318.264.480	-
Hàng gửi bán	81.350.717	-	61.612.707	-
Cộng	252.849.323.381	(52.987.731)	233.512.623.231	(22.365.478)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	232.123.082	350.716.847
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	232.123.082	350.716.847
b. Dài hạn	986.020.655	2.637.157.580
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	986.020.655	2.637.157.580

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Chi tiết xem tại phụ lục số 01 đính kèm)**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng	Phần mềm kế	Cộng
	đất	toán	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	9.504.466.000	263.367.720	9.767.833.720
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>9.504.466.000</u>	<u>263.367.720</u>	<u>9.767.833.720</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	5.912.566.000	263.367.720	6.175.933.720
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>5.912.566.000</u>	<u>263.367.720</u>	<u>6.175.933.720</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	<u>3.591.900.000</u>	-	<u>3.591.900.000</u>
Số cuối năm	<u>3.591.900.000</u>	-	<u>3.591.900.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang				-
Nhà xưởng XN dệt Nam Định	30.629.404.649	30.629.404.649	18.768.715.075	18.768.715.075
Dự án cải tạo XN may 20C	-	-	20.038.804.910	20.038.804.910
Dự án xây dựng cải tạo khác	1.179.739.518	1.179.739.518	1.363.720.427	1.363.720.427
Cộng	31.809.144.167	31.809.144.167	40.171.240.412	40.171.240.412

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Chi tiết xem tại phụ lục số 02 đính kèm)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	202.782.627.607	202.782.627.607	119.718.592.507	119.718.592.507
- Công ty CP đầu tư và xây lắp Thành An 386	5.805.236.201	5.805.236.201	5.541.684.601	5.541.684.601
- Công ty cổ phần 22	3.480.108.080	3.480.108.080	1.253.918.970	1.253.918.970
- Công ty TNHH dệt may Hoàng Hà	-	-	16.454.488.346	16.454.488.346
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	112.639.894.178	112.639.894.178	35.440.133.503	35.440.133.503
- Công ty TNHH một thành viên dệt may 7	19.829.327.832	19.829.327.832	692.398.578	692.398.578
- Công ty TNHH SX và KD nguyên liệu may VN	10.735.011.625	10.735.011.625	10.252.719.650	10.252.719.650
- Phải trả khác	50.293.049.691	50.293.049.691	50.083.248.859	50.083.248.859
Phải trả người bán là các bên liên quan	50.296.679.822	50.296.679.822	2.556.844.940	2.556.844.940
- Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.437.397.918	2.437.397.918	2.556.844.940	2.556.844.940
- Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	6.636.884.229	6.636.884.229	-	-
- Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	41.222.397.675	41.222.397.675	-	-
Cộng	253.079.307.429	253.079.307.429	122.275.437.447	122.275.437.447

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế và các khoản phải nộp	7.523.446.920	15.115.730.809	16.048.857.864	6.590.319.865
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	4.999.975.738	8.132.967.460	8.874.319.632	4.258.623.566
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.505.674.201	5.730.490.292	5.919.294.771	2.316.869.722
- Thuế thu nhập cá nhân	17.796.981	473.776.477	476.746.881	14.826.577
- Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	770.496.580	770.496.580	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	2.212.619.980	1.611.192.882
- Trích trước tiền lương nghỉ phép	1.922.508.958	1.611.192.882
Trích trước tiền điện phải trả	251.579.598	
- Chi phí trích trước khác	38.531.424	
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.212.619.980	1.611.192.882

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	143.619.405.634	144.932.240.350
- Doanh thu nhận trước CT nhà chung cư	67.108.454.771	63.463.611.159
- Doanh thu nhận trước các mặt hàng may mặc	76.471.350.863	81.468.629.191
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	39.600.000	-

14. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	43.573.704.675	4.109.334.539
- Kinh phí công đoàn	960.560.508	333.088.402
- Bảo hiểm xã hội	111.950.333	11.844.817
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	54.008.000	54.008.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.447.185.834	3.710.393.320
+ <i>Cổ tức còn phải trả</i>	65.155.176	65.155.176
+ <i>Vật tư nhập kho chưa có HĐ GTGT</i>	41.640.113.486	3.133.361.155
+ <i>Tiền thu quỹ ủng hộ chưa nộp cấp trên</i>	296.264.026	-
+ <i>Phải trả đối tượng khác</i>	445.653.146	511.876.989
b) Dài hạn	800.000.000	800.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	800.000.000	800.000.000
Cộng	44.373.704.675	4.909.334.539

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

TT	Nội dung	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn		119.033.435.029	119.033.435.029	240.000.000.000	240.000.000.000
-	Cục tài chính Bộ quốc phòng	71.914.267.250	71.914.267.250	240.000.000.000	240.000.000.000
-	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long ⁽¹⁾	47.119.167.779	47.119.167.779	-	-
b) Vay dài hạn		-	-	-	-
	Cộng	119.033.435.029	119.033.435.029	240.000.000.000	240.000.000.000

⁽¹⁾ Hợp đồng cấp tín dụng số 29897.17.054.5124 ngày 07/12/2017, hạn mức vay 80 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 07 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	172.500.000.000	56.635.639.925	30.972.151.457	260.107.791.382
-	Lãi trong năm nay	-	26.530.402.878	26.530.402.878
-	Tặng khác	-	-	-
-	Chi trả cổ tức ⁽¹⁾	-	20.700.000.000	20.700.000.000
-	Phân phối lợi nhuận ⁽¹⁾	-	7.911.634.336	7.911.634.336
31/12/2018	172.500.000.000	56.635.639.925	28.890.919.999	258.026.559.924

⁽¹⁾ Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2018.

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 7.684.744.336 đồng

- Trích quỹ thưởng ban điều hành: 226.890.000 đồng

Tổng cộng: 7.911.634.336 đồng

16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Vốn Nhà nước	123.711.900.000	123.711.900.000
- Công ty cổ phần đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	43.788.100.000	43.788.100.000
Cộng	172.500.000.000	172.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

16.3 CỔ PHIẾU

	Số cuối năm CP	Số đầu năm CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	960.718.961.897	1.010.382.516.652
- Doanh thu cho thuê mặt bằng, nhà xưởng	8.121.007.947	6.248.413.164
Cộng	968.839.969.844	1.016.630.929.816

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	860.454.741.325	893.732.737.142
- Giá vốn cho thuê mặt bằng, nhà xưởng	3.265.736.112	1.531.823.681
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.848.194.222)
Cộng	863.720.477.437	890.416.366.601

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.394.130.351	122.476.965
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	199.080.000	232.260.000
- Lợi nhuận từ công ty con	1.608.099.669	1.905.387.233
- Lợi nhuận từ hoạt động liên doanh liên kết	118.800.000	118.800.000
- Lãi từ hoạt động cho vay	725.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	222.581.745	19.605.832
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	70.588.767	-
Cộng	4.338.280.532	2.398.530.030

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	220.953.372	640.550.650
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	426.847.480	406.138.599
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	505.712.078
Cộng	647.800.852	1.552.401.327

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Chi phí bán hàng	19.679.176.421	19.649.619.681
- Chi phí nhân công	844.407.835	719.616.005
- Chi phí vật liệu, bao bì	3.700.917.162	5.120.674.798
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	87.538.770	18.668.123
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.824.421.586	9.324.279.859
- Chi phí khác bằng tiền	5.221.891.068	4.466.380.896
b. Chi phí quản lý	61.949.255.545	74.205.883.310
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	4.771.737.291	5.769.050.873
- Chi phí nhân công	30.709.133.070	30.396.293.013
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.646.450.141	3.110.657.159
- Thuế, phí, lệ phí	2.769.117.326	2.848.489.681
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.593.883.745	7.106.444.793
- Chi phí khác bằng tiền	13.458.933.972	24.974.947.791

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Tiền bồi thường bảo lữ, hỗ trợ GPMB	-	1.040.973.991
- Tiền thanh lý TSCĐ, vật tư	67.546.306	181.090.909
- Tiền cho thuê nhà công vụ	407.718.912	312.370.459
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.576.394.290	5.073.429.300
- Thu nhập khác	55.680.603	29.569.095
Cộng	5.107.340.111	6.637.433.754

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Các khoản phạt, truy thu thuế	24.500.000	131.410.832
- Chi phí từ thanh lý TSCĐ	-	1.238.203.185
- Chi phí khắc phục bảo lữ tại XN Nam Định	-	157.458.822
- Các khoản chi phí khác	3.487.062	5.430.885
Cộng	27.987.062	1.532.503.724

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.8.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.633.289.613	68.693.422.599
Phải thu khách hàng và phải thu khác	323.114.787.980	242.424.513.207
Đầu tư dài hạn	57.394.835.186	49.159.000.000
Cộng	403.142.912.779	360.276.935.806
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	119.033.435.029	240.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	296.380.501.263	126.839.838.767
Chi phí phải trả	2.212.619.980	1.611.192.882
Cộng	417.626.556.272	368.451.031.649
Trạng thái ròng	(14.483.643.493)	(8.174.095.843)

Tại ngày 31/12/2018 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Các khoản vay	119.033.435.029	-	119.033.435.029
Phải trả người bán và phải trả khác	295.580.501.263	800.000.000	296.380.501.263
Chi phí phải trả	2.212.619.980	-	2.212.619.980
Cộng	416.826.556.272	800.000.000	417.626.556.272
Số đầu năm			
Các khoản vay	240.000.000.000	-	240.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	126.039.838.767	800.000.000	126.839.838.767
Chi phí phải trả	1.611.192.882	-	1.611.192.882
Cộng	367.651.031.649	800.000.000	368.451.031.649

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.633.289.613	-	22.633.289.613
Phải thu khách hàng và phải thu khác	323.114.787.980	-	323.114.787.980
Đầu tư dài hạn	-	57.394.835.186	57.394.835.186
Cộng	345.748.077.593	57.394.835.186	403.142.912.779
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.693.422.599	-	68.693.422.599
Phải thu khách hàng và phải thu khác	242.424.513.207	-	242.424.513.207
Đầu tư dài hạn	-	49.159.000.000	49.159.000.000
Cộng	311.117.935.806	49.159.000.000	360.276.935.806

Hội đồng quản trị đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh dịch vụ là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

28. BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của HĐQT, BKS và ban Tổng Giám đốc	3.121.810.531	3.738.652.238
Thù lao và thu nhập của HĐQT và BKS	3.121.810.531	3.738.652.238

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Công ty con	Chi phí thuê gia công	24.729.621.184
		Bán và cho thuê TS	1.490.736.723
		Thu lợi nhuận	612.583.652
		Nhập mua thành phẩm, hàng hóa	4.981.657.000
		Bán vật tư, thành phẩm, hàng hóa	193.871.619
		Chi phí thuê gia công	2.505.681.546
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Công ty con	Bán và cho thuê TS	3.866.705.404
		Nhập mua thành phẩm, hàng hóa	174.034.227.049
		Bán vật tư, thành phẩm, hàng hóa	26.609.214.922
		Góp vốn	8.235.835.186
		Chi phí thuê gia công	9.315.822.202
		Bán và cho thuê TS	2.023.693.120
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Công ty con	Thu lợi nhuận	995.516.017
		Nhập mua thành phẩm, hàng hóa	25.246.124.562
		Bán vật tư, thành phẩm, hàng hóa	175.467.054
		Bán vật tư và cho thuê mặt bằng	315.818.182
		Cho thuê TSCĐ	10.549.796
		Điều chỉnh giảm giá vật tư	(804.040.546)
Công ty cổ phần 199	Công ty liên kết	Mua vật tư, thành phẩm, hàng hóa	188.490.909
		Cổ tức được chia	199.080.000

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Công ty con	Phải trả người bán	41.222.397.675
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Công ty con	Phải thu về cho vay Phải trả người bán	21.600.000.000 6.636.884.229
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Công ty con	Phải trả người bán	2.437.397.918
Công ty cổ phần 199	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng Phải trả người bán	17.074.898 1.060.089.824

VII. THÔNG TIN KHÁC**Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất cứ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****CHỦ TỊCH
Phạm Văn Đô**

Phạm Văn Đô
Chủ tịch HĐQT
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019


Phan Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng


Hoàng Thị Thùy Linh
Người lập

Phụ lục 01: Bảng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	203.203.157.986	104.431.500.359	12.001.342.408	4.192.809.181	6.191.358.127	330.020.168.061
- Mua trong năm	-	1.625.499.875	4.420.329.998	556.282.000	-	6.602.111.873
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	22.886.321.748	-	-	-	-	22.886.321.748
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.543.170.600)	-	-	-	(1.543.170.600)
- Giảm khác	(21.850.988.889)	(32.987.666.096)	(1.107.960.371)	-	-	(55.946.615.356)
Số cuối năm	204.238.490.845	71.526.163.538	15.313.712.035	4.749.091.181	6.191.358.127	302.018.815.726
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	82.056.273.737	70.554.778.373	8.659.241.667	2.478.573.298	1.177.534.956	164.926.402.031
- Khấu hao trong năm	11.102.273.543	4.447.072.494	403.796.949	848.645.406	-	16.801.788.392
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.543.170.600)	-	-	-	(1.543.170.600)
- Giảm khác	(18.738.780.152)	(28.252.136.914)	(719.863.104)	-	-	(47.710.780.170)
Số cuối năm	74.419.767.128	45.206.543.353	8.343.175.512	3.327.218.704	1.177.534.956	132.474.239.653
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	121.146.884.249	33.876.721.986	3.342.100.741	1.714.235.883	5.013.823.171	165.093.766.030
Số cuối năm	129.818.723.717	26.319.620.185	6.970.536.523	1.421.872.477	5.013.823.171	169.544.576.073

(*) Giảm do góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH MTV X20 Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục 02: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào Công ty con						
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	100%	100%	55.735.835.186	-	47.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	100%	100%	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	100%	100%	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết						
Công ty cổ phần 199	33,40%	33,40%	38.235.835.186	-	30.000.000.000	-
			1.659.000.000		1.659.000.000	
			1.659.000.000	-	1.659.000.000	-